

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST

Ngày: 26-9-2018

V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Bích V; địa chỉ: 107 đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Ông Hầu Văn T; địa chỉ: 88 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H; địa chỉ: 88 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Mẫn Thị L; địa chỉ: 64 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2018 và bản khai đề ngày 27-3-2018, nguyên đơn là bà Phan Thị Bích V trình bày:

Do có quan hệ quen biết với ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L, nên ngày 13-02-2017, bà có cho ông T, bà H và bà L vay 2.000.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất theo thỏa thuận bằng lời nói với nhau là 3.000.000 đồng/ngày/2.000.000.000 đồng. Hết thời

hạn 07 ngày, ông T, bà H và bà L không chịu trả cho bà số tiền nợ gốc và nợ lãi. Đến ngày 24-02-2017, ông Trường trả cho bà 1.000.000.000 đồng nợ gốc; 1.000.000.000 đồng nợ gốc còn lại và nợ lãi ông T, bà H và bà L không chịu trả cho bà mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ, tìm gặp yêu cầu ông T, bà H và bà L trả nợ.

Vì vậy để lấy lại tài sản của mình, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung sau:

Yêu cầu ông T, bà H và bà L phải trả cho bà 1.000.000.000 đồng nợ gốc.

Yêu cầu ông T, bà H và bà L phải trả cho bà số tiền nợ lãi của 2.000.000.000 đồng nợ gốc, tính từ ngày 13-02-2017 đến ngày 24-02-2017 là 30.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ngày, tương đương 4,5%/tháng).

Yêu cầu ông T, bà H và bà L trả cho bà số tiền nợ lãi của 1.000.000.000 đồng nợ gốc, từ ngày 25-02-2017 đến ngày 24-02-2018 là 240.000.000 đồng, tương đương 2%/tháng và tiền lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu ông T, bà H và bà L phải trả cho bà 1.000.000.000 đồng nợ gốc.

Yêu cầu ông T, bà H và bà L phải trả cho bà số tiền nợ lãi của 2.000.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi 10%/năm của 2.000.000.000 đồng tính từ ngày 13-02-2017 đến ngày 24-02-2017 là 6.575.000 đồng.

Yêu cầu ông T, bà H và bà L trả cho bà số tiền lãi của 1.000.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi 10%/năm của 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 25-02-2017 đến ngày 26-9-2018 là 158.082.000 đồng.

2. Tại bản tường trình sự việc đề ngày 05-4-2018, bị đơn là ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H trình bày:

Vợ chồng ông bà đã làm ăn và quen biết khá lâu với bà Phan Thị Bích V, đồng thời vợ chồng ông bà là bạn của bà Mẫn Thị L và ông Nguyễn Văn P.

Chính vì mối quan hệ quen biết này, nên tháng 02 năm 2017 vợ chồng bà L, ông P có mua đất rẫy tại Gia Lai nên đã nhờ ông bà cùng bà L đứng tên viết giấy vay tiền của bà V để vợ chồng bà L mua đất sang tên, đổi chủ và thế chấp ngân hàng tài sản trên và hứa sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi cho bà V khi ngân hàng giải ngân món vay trên trong khoảng 07 ngày (từ khi sang tên đổi chủ đến khi giải ngân món vay này). Tuy nhiên, khi giải ngân món vay trên vợ chồng bà L, ông P nói cần mua thêm đất nông nghiệp gần đó cũng tại Gia Lai để canh tác nên đã tạm trả bà V 1.000.000.000 đồng và hứa sẽ trả nốt cho bà V phần tiền còn thiếu khi giải ngân món vay này (khoảng 10 ngày sau đó). Nhưng khi giải ngân món vay tiếp theo này vợ chồng ông P, bà L không trả cho bà V như đã hứa với ông bà và bà V.

Theo như ông bà được biết và có 02 người làm chứng (chị Th - Người giúp việc nhà bà V và chị H - Kế toán của ông P, bà L), sau khi ông P, bà L không trả hết số tiền như đã hứa, khá nhiều lần theo định kỳ 10 ngày hoặc 20 ngày, ông P, bà L có mang tiền đến nhà bà V để trả lãi cho bà V, tuy nhiên ông P, bà L đã trả bao nhiêu lần hay bao nhiêu tiền lãi, gốc cho bà V thì ông bà không nắm rõ vì sau

khi ông P, bà L không thực hiện đúng theo lời hứa thì ông bà đã yêu cầu ông P, bà L làm việc và thanh toán trực tiếp với bà V về khoản tiền gốc, lãi còn thiếu. Đến thời điểm này, số tiền gốc và lãi còn nợ bà V bao nhiêu, đã trả bao nhiêu thì ông bà không được rõ.

Từ đó đến nay, bà V đã nhiều lần gọi điện thoại, xuống nhà gặp ông bà để hỏi và yêu cầu ông bà có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại cho bà V, đã nhiều lần bà V lên cơ quan gặp lãnh đạo ông trình bày sự việc, nhờ can thiệp và gây sức ép để ông trả khoản tiền nợ trên. Thậm chí bà V còn yêu cầu ông bà bán tài sản, nhà cửa để trả nợ cho bà V. Tuy nhiên, ông bà là người bị hại vì cả tin bạn, giúp bạn nên đã bị liên lụy đến khoản nợ này nên chỉ biết điện thoại và gặp ông P, bà L để đôn thúc, thu xếp tiền để trả cho bà V. Đến nay, ông P, bà L đã hứa rất nhiều lần với ông bà và bà V sẽ thu xếp và thanh toán dứt điểm khoản nợ trên cho bà V tuy nhiên vẫn chưa thực hiện được.

Bằng bản tường trình này, ông bà khẳng định:

Ông bà là người bị hại vì thân quen với bà V nên ông bà chỉ đứng tên và ký giấy vay tiền của bà V cùng bà L cho ông P, bà L giải quyết công việc riêng (mua đất) của ông P, bà L chứ ông bà không tư lợi hay sử dụng bất kỳ một đồng tiền nào từ khoản vay nợ trên của bà V.

Vợ chồng ông bà chỉ biết là bà L đã nhận từ tay bà V 2.000.000.000 đồng sau đó đã trả 1.000.000.000 đồng là đúng sự thật.

Tiền lãi: Giữa ông P, bà L và bà V tự thỏa thuận và thanh toán trực tiếp với nhau nên ông bà không biết số tiền này như thế nào và bao nhiêu.

Kính mong Tòa án xem xét giải quyết công bằng, hợp lý để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm cho các bên theo quy định của pháp luật.

3. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Mẫn Thị L. Tuy nhiên, bà Mẫn Thị L không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Mẫn Thị L không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Bích V khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L; ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L có nơi cư trú tại thành phố Pleiku nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để các bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 13-02-2018, ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L vay

của bà Phan Thị Bích V 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

Ngày 24-02-2018, ông Hầu Văn T trả cho bà Phan Thị Bích V 1.000.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hạn trả nợ, bà Phan Thị Bích V đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L vẫn chưa trả cho bà Phan Thị Bích V 1.000.000.000 đồng nợ gốc còn lại.

Khi vay, các bên có lập văn bản và ký xác nhận việc vay tiền. Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên bà Phan Thị Bích V yêu cầu Tòa án xử buộc ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải trả cho bà 1.000.000.000 đồng.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà Phan Thị Bích V với ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Phan Thị Bích V khởi kiện là có căn cứ.

Hội đồng xét xử sẽ xử buộc ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải trả cho bà Phan Thị Bích V 1.000.000.000 đồng nợ gốc.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H trình bày rằng ông bà là người bị hại vì thân quen với bà V nên ông bà chỉ đứng tên và ký giấy vay tiền của bà V cùng bà L cho ông P, bà L giải quyết công việc riêng (mua đất) của ông P, bà L chứ ông bà không tư lợi hay sử dụng bất kỳ một đồng tiền nào từ khoản vay nợ trên của bà V. Tuy nhiên, ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này nên không có căn cứ để xác định lời khai của ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H là đúng sự thật.

[3] Về tiền lãi: Bà Phan Thị Bích V yêu cầu ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải trả số tiền nợ lãi của 2.000.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi 10%/năm của 2.000.000.000 đồng tính từ ngày 13-02-2017 đến ngày 24-02-2017.

Yêu cầu vợ chồng ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải trả số tiền lãi của 1.000.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi 10%/năm của 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 25-02-2017 đến ngày 26-9-2018.

Yêu cầu này của bà Phan Thị Bích V hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật về dân sự, nên được chấp nhận. Do vậy, tiền lãi mà ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải trả cho bà Phan Thị Bích V được tính như sau:

- Đối với 2.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 13-02-2017 đến ngày 24-02-2017 là 12 ngày là: $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 6.575.000 \text{ đồng}$.

- Đối với 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25-02-2017 đến ngày 26-9-2018 là 577 ngày là: 1.000.000.000 đồng x 577 ngày x 10%/năm = 158.082.000 đồng.

Tổng cộng là 164.657.000 đồng tiền lãi.

Ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H trình bày rằng giữa ông Nguyễn Văn P, bà Mẫn Thị L và bà Phan Thị Bích V tự thỏa thuận và thanh toán trực tiếp tiền lãi với nhau nên ông bà không biết số tiền này như thế nào và bao nhiêu. Tuy nhiên, ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H không đưa ra được chứng cứ về việc trả tiền lãi và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này; đồng thời, bà Mẫn Thị L không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không có lời khai tại hồ sơ vụ án nên không có căn cứ để xác định lời khai của ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H là đúng sự thật.

[4] Tại bản tường trình sự việc đề ngày 05-4-2018, ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H trình bày rằng: Có 02 người làm chứng cho việc bà Mẫn Thị L trả lãi cho bà Phan Thị Bích V đó là chị Th - Người giúp việc nhà bà Phan Thị Bích V và chị H - Kế toán của ông Nguyễn Văn P, bà Mẫn Thị L; ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H không cung cấp cho Tòa án họ tên và địa chỉ của chị Th và chị H; đồng thời, tại phiên tòa, bà Phan Thị Bích V khai rằng bà không biết chị Th và chị H là ai và hiện đang cư trú tại đâu; vì vậy, Tòa án không thể triệu tập được chị Th và chị H đến Tòa án để lấy lời khai liên quan đến lời trình bày của ông Hầu Văn T và bà Phạm Thị H.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu 46.940.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 288, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích V.

Buộc ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải liên đới trả cho bà Phan Thị Bích V 1.164.657.000 đồng (*trong đó có 1.000.000.000 đồng nợ gốc và 164.657.000 đồng nợ lãi*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.940.000 đồng.

- Bà Phan Thị Bích V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Phan Thị Bích V 25.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003361 ngày 27-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Bích V có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng ông Hầu Văn T, bà Phạm Thị H và bà Mẫn Thị L vắng mặt tại phiên toà, nên họ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền